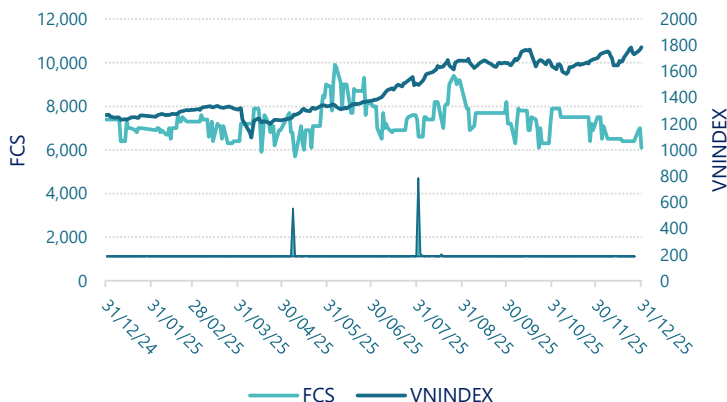




CTCP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (UPCOM: FCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
SL cổ phiếu LH	29,450,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	585
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	180
P/E	777.5
EPS	8

DT thuần

Q4/25

91.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.80 | 4.3%

YoY: ▼ 9.30 | -9.2%

LN sau thuế

Q4/25

6.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.43 | 9191%

YoY: ▲ 7.23 | 991%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.1%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 79.0 | -19.4%

LN sau thuế

2025

0.23

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.71 | 116%

ROE

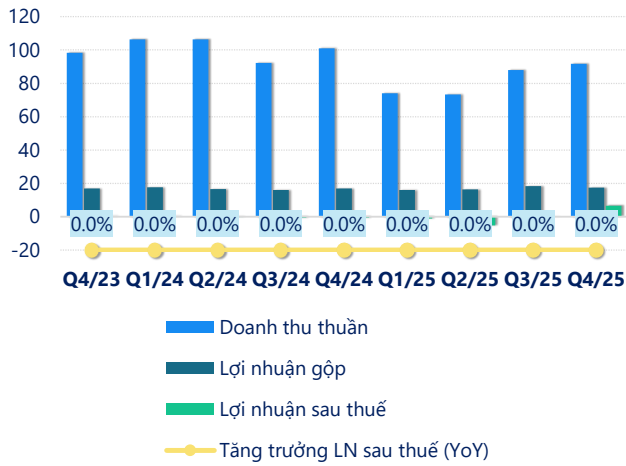
2025

0.4%

+/- YoY: ▲ 2.8%

tỷ VNĐ

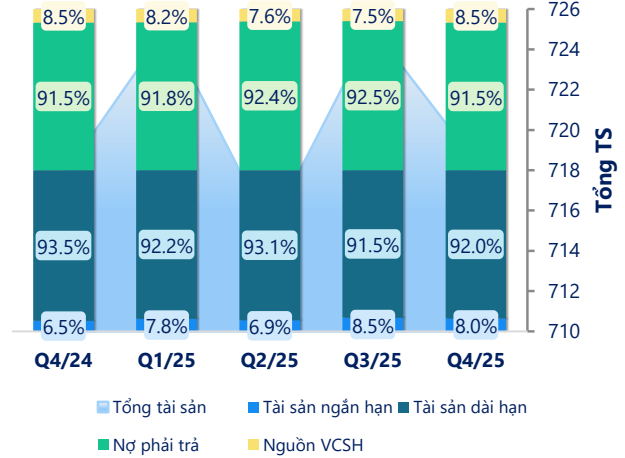
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

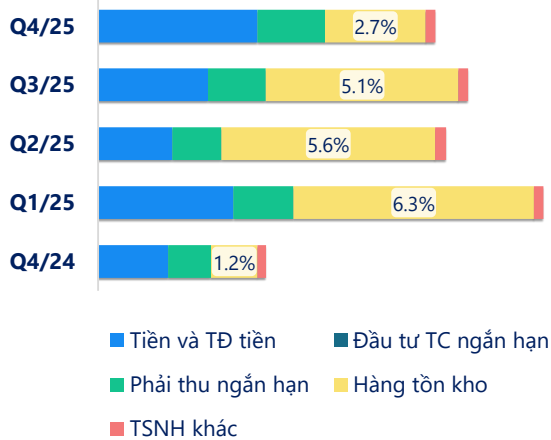
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



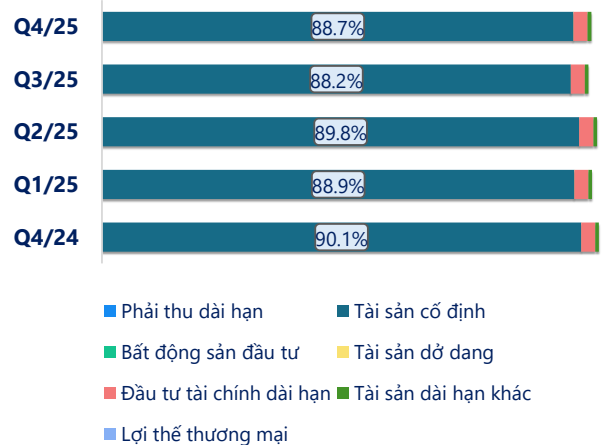
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

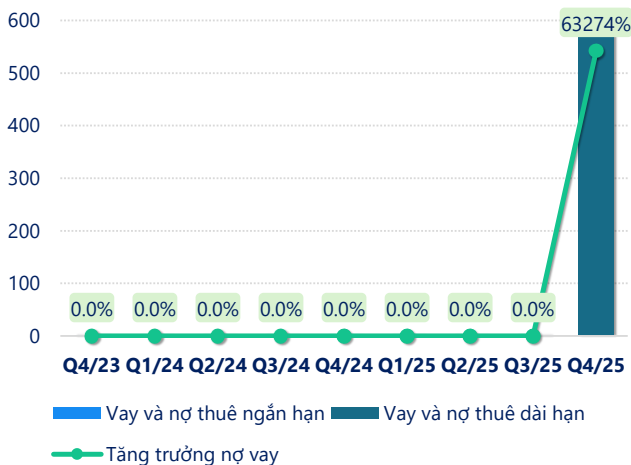
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

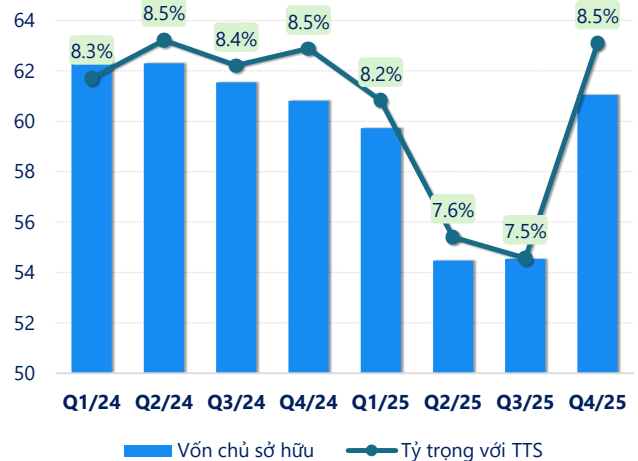
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

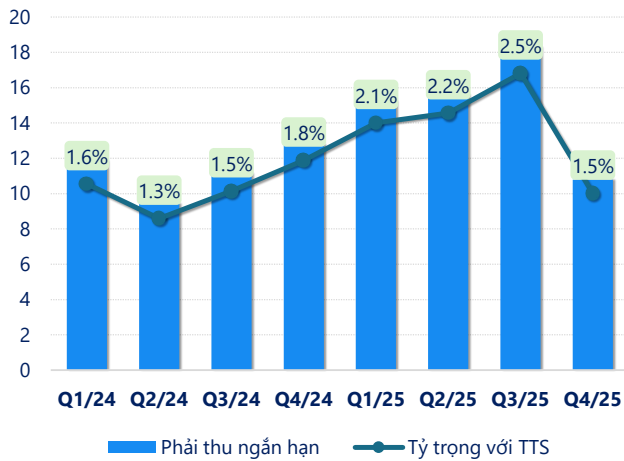
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



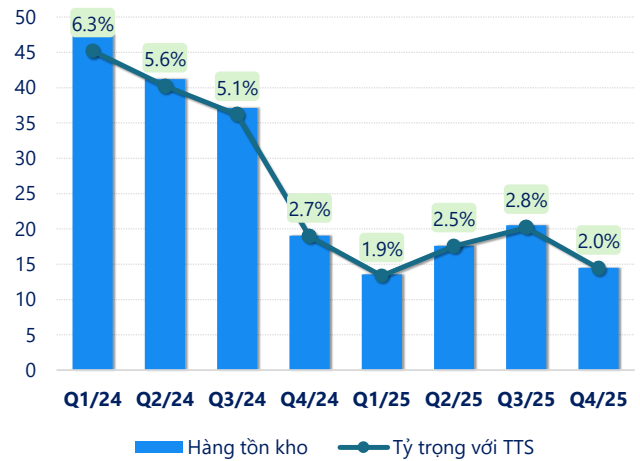
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


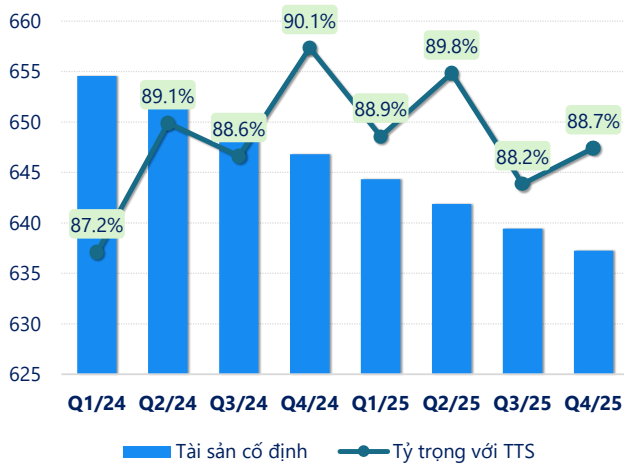
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


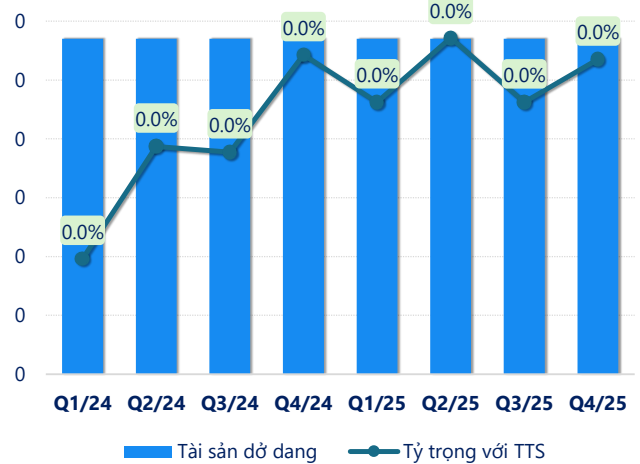
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

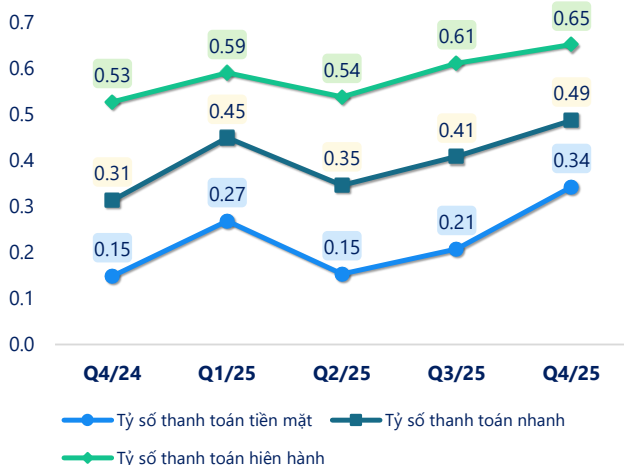
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

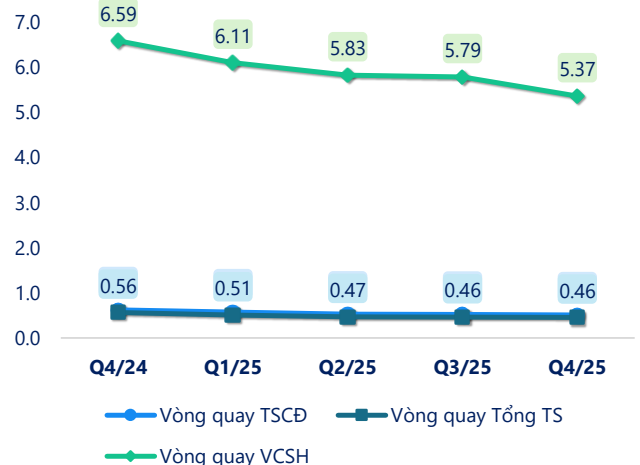
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	718	725	715	725	718
Tài sản ngắn hạn	46.9	56.8	49.3	61.8	57.3
Tiền và tương đương tiền	13.2	25.8	14.0	21.0	30.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	12.8	15.2	15.6	18.3	10.8
Hàng tồn kho	19.0	13.6	17.6	20.5	14.5
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	2.19	2.07	2.00	1.90
Tài sản dài hạn	671	668	666	663	661
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	647	644	642	639	637
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Đầu tư tài chính dài hạn	19.0	19.0	19.0	19.0	19.0
Tài sản dài hạn khác	5.05	4.94	4.97	4.86	4.90
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	657	665	661	671	657
Nợ ngắn hạn	88.9	96.2	91.5	101	87.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	27.1	27.7	27.2	26.2
Nợ dài hạn	568	569	569	569	569
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	569
Nguồn vốn chủ sở hữu	60.8	59.7	54.5	54.5	61.0
Vốn chủ sở hữu	60.8	59.7	54.5	54.5	61.0
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)